

Bản án số: 02/2018/DSST
Ngày: 18/01/2018
Vv: “Chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Xuân Cường

Bà Nguyễn Thuỳ Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Anh Đức - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi - Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 01 năm 2018; Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình; Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017, về việc: “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST – DS, ngày 30 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1948; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt tại phiên Tòa.

2. Bị đơn:

- Ông: Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 1975; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt tại phiên Tòa.

- Ông: Nguyễn Văn V, sinh năm: 1974; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt tại phiên Tòa.

3. Những người có quyền lợi liên quan:

- Ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Có mặt tại phiên Tòa.

- Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt tại phiên Tòa.

- Chị Phạm Thị C, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt tại phiên Tòa.

- Anh: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1988; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt tại phiên Tòa.

- Anh: Nguyễn Văn D, sinh năm: 1989; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt tại phiên Toà.

- Anh: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1996; địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt tại phiên Toà.

(Bị đơn và những người có quyền lợi liên quan là Nguyễn Thị H, Phạm Thị C, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phần thủ tục, xét hỏi và tranh luận nhưng tại phần tuyên án thì tất cả có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017, các biên bản hoà giải vào các ngày 14 tháng 8 năm 2017 và ngày 22 tháng 9 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Bà và chồng là ông Nguyễn Văn Ch trong thời kỳ hôn nhân có khai hoang để tạo lập nên một thửa đất vào năm 1966, năm 1988 xây một ngôi nhà và sử dụng cho đến nay. Năm 1995 ông Ch chết, năm 2002 gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, mang tên hộ bà Nguyễn Thị B. Vào thời điểm năm 2002, hộ khẩu chỉ có tên một mình bà do các con đã tách hộ và sinh sống riêng. Hiện tại ngôi nhà bà đang ở đã cũ nát, không còn sử dụng được nên bà đang ở nhờ nhà con trai đầu là Nguyễn Văn T. Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với tài sản của chồng là ông Nguyễn Văn Ch đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình để bà làm nhà ở lúc tuổi già.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 14 tháng 8 năm 2017, anh Nguyễn Văn Kh trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn Ch và mẹ là Nguyễn Thị B có một thửa đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1995, bố anh mất, nay mẹ anh đề nghị chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản mà bố ông để lại; ông không đồng ý với lý do là con út trong gia đình nên có nguyện vọng sử dụng toàn bộ thửa đất đó.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 14 tháng 8 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 22 tháng 9 năm 2017, anh Nguyễn Văn V trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn Ch và mẹ là Nguyễn Thị B có một thửa đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1995, bố anh mất, nay mẹ anh đề nghị chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản mà bố ông để lại; ông đồng ý giao phần di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị B sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 14 tháng 8 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 22 tháng 9 năm 2017 và tại phiên Toà anh Nguyễn Văn T trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn Ch, mẹ và bà là Nguyễn Thị B có một thửa đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1995, ông Ch chết, nay

mẹ là Nguyễn Thị B đề nghị chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản mà bố anh để lại; anh đồng ý giao phần di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị B sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 14 tháng 8 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 22 tháng 9 năm 2017 chị Nguyễn Thị H trình bày: Bố chị là ông Nguyễn Văn Ch, mẹ và bà là Nguyễn Thị B có một thửa đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1995, ông Ch chết, nay mẹ là Nguyễn Thị B đề nghị chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản mà bố chị để lại; chị đồng ý giao phần di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị B sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 9 năm 2017, biên bản hoà giải ngày 22 tháng 9 năm 2017 những người có quyền lợi liên quan gồm anh Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Th trình bày: Ông nội Nguyễn Văn Ch và bà nội Nguyễn Thị B có một thửa đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1995, ông nội chết, nay bà nội là Nguyễn Thị B đề nghị chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất mà ông nội để lại, các anh đồng ý giao phần di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị B sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2017, chị Phạm Thị C trình bày: Bố mẹ chồng bà có một thửa đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Năm 1995 bố chồng mất, nay mẹ chồng là Nguyễn Thị B đề nghị chia $\frac{1}{2}$ thửa đất là di sản mà bố chồng chị để lại. Chị là vợ của Nguyễn Văn H đã mất năm 2007, được đại diện cho chồng trình bày quan điểm tôi không đồng ý để lại cho mẹ chồng mà có nguyện vọng để lại cho anh trai đầu hoặc em trai út sử dụng đều được.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Toà án từ khi thụ lý, giải quyết đến xét xử thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến phiên Toà Sơ thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 614, 615, 609, 649, 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai 2013 xử, chia 06 phần bằng nhau cho đồng thừa kế đối với di sản thừa kế mà ông Ch để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 123,5 m² cho bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn Kh và các hàng thừa kế thứ nhất của Nguyễn Văn H, mỗi người được một phần bằng nhau. Giao cho bà Nguyễn Thị B sở hữu thửa đất số 276, tờ bản đồ số 01, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Bà Bấp có nghĩa vụ trả số tiền chênh lệch 1.605.5000đ cho anh Nguyễn Văn Kh và 401.375đ cho chị Phạm Thị C. Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần di sản được hưởng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị H, Phạm Thị C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn Th đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ (lần thứ ba), nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, đối tượng chia thừa kế là nhà và bất động sản tại thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên căn cứ theo khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Vì các đồng thừa kế không thống nhất về việc chia di sản thừa kế mà ông Ch để lại, anh Nguyễn Văn Kh và anh Nguyễn Văn V không nhất trí giao lại cho bà Báp sử dụng nên bà Báp đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện B để yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật là đúng quy định. Hội đồng xét xử xét thấy những người tham gia tố tụng đều là những người có đầy đủ năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Bà Báp khởi kiện để đảm bảo quyền lợi của mình nên việc khởi kiện này phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện B xác định anh Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ án là đúng.

[3] Về thời điểm mở thừa kế: Ông Nguyễn Văn Ch mất ngày 20 tháng 10 năm 1995; do vậy thời điểm mở thừa kế của ông Ch là ngày 20 tháng 10 năm 1995. Về thời hiệu khởi kiện: Năm 2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ch, như phân tích về thời điểm mở thừa kế nêu trên, áp dụng Điều 623 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Báp đối với di sản ông Ch để lại vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung:

4.1. Về nguồn gốc: Xét về nguồn gốc di sản, thửa đất số 276, tờ bản đồ số 01 là tài sản chung của ông Ch và bà Báp; mặc dù trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị B, hộ bà Báp chỉ có mỗi mình bà vì các con bà đã có gia đình và ra ở riêng nhưng theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 thì đó là tài sản chung của gia đình.

4.2. Về di sản: tài sản chung mà ông Ch và bà Báp gồm 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình mang tên hộ bà Nguyễn Thị B được UBND huyện B cấp ngày 31 tháng 12 năm 2002. Đối với ngôi nhà cấp 4 hiện đã mục nát không còn giá trị sử dụng (theo như biên bản định giá tài sản ngày 27/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản) nên tài sản chung của vợ chồng ông bà hiện còn là thửa đất số 276, tờ bản đồ số

01 tại Đ, B, Quảng Bình. Chính quyền địa phương xác nhận theo sổ mục kê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tại thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình ông Ch và bà Bắp có thửa đất số 276, tờ bản đồ số 01 với diện tích đất là 108 m^2 . Tuy nhiên khi Tòa án về xem xét thẩm định thực tế thì diện tích đất của vợ chồng ông bà tại thôn Th, xã Đ là $123,5 \text{ m}^2$. Diện tích tăng so với sổ mục kê và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $15,5 \text{ m}^2$; tuy vậy các mốc giới của thửa đất ổn định, bà Bắp không lấn chiếm đất công cũng như đất của ai, số đo tăng là do tăng tự nhiên (do kỹ thuật đo khác nhau). Như vậy diện tích đất thực tế của ông bà là $123,5 \text{ m}^2$, được xác định là tài sản chung của hai vợ chồng ông Ch và bà Bắp. Năm 1995 ông Ch chết không để lại di chúc nên căn cứ vào Điều 650 của Bộ luật dân sự 2015, toàn bộ di sản thừa kế của ông Ch là $\frac{1}{2}$ diện tích đất, tương ứng với $123,5 \text{ m}^2 : 2 = 61,75 \text{ m}^2$.

Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 27 tháng 11 năm 2017, đất có giá trị 156.000 đồng/m^2 , giá trị thành tiền là $156.000 \text{ đ} \times 61,75 \text{ m}^2 = 9.633.000 \text{ đồng}$; riêng ngôi nhà cấp bốn hiện không có giá trị sử dụng nên không xem xét.

4.3. Về diện và hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch gồm bà Bắp, anh T, anh Vĩ, anh Kh, chị Hoan, anh H (anh H đã mất năm 2007 nên vợ anh là chị Phạm Thị C và các con của anh H là Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th được thừa hưởng phần di sản thừa kế mà anh H được hưởng).

4.4. Phân chia di sản: tài sản chung của ông Ch và bà Bắp là diện tích đất $123,5 \text{ m}^2$, nên ông Ch và Bắp mỗi người hưởng là $\frac{1}{2}$ diện tích đất, tương ứng $61,75 \text{ m}^2$; do vậy di sản thừa kế ông Ch để lại là $61,75 \text{ m}^2$. Bà Bắp và ông Ch trong thời kỳ hôn nhân có 05 con chung là Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn Kh; ngoài ra ông bà không còn có người con nào khác. Bố mẹ ông Ch đã chết, ông Ch chết không để lại di chúc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của ông gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của ông. Những người thừa kế cùng hàng nên mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau, tương ứng với diện tích đất $61,75 \text{ m}^2 : 6 = 10,29 \text{ m}^2$, giá trị thành tiền là $10,29 \text{ m}^2 \times 156.000 \text{ đ/m}^2 = 1.605.500 \text{ đ}$. Trong hàng thừa kế thứ nhất, anh Nguyễn Văn H chết năm 2007; anh H chết sau ông Ch nên anh H đương nhiên được hưởng thừa kế, những người được hưởng thừa kế của anh H gồm bà Phạm Thị C và các con anh H là Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th nhận phần thừa kế này; mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị di sản anh H được hưởng, cụ thể $1.605.500 \text{ đ} : 4 = 401.375 \text{ đ}$. Đối chiếu với quy định quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa: tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Bình “Quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với một số loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình” quy định: Diện tích tối thiểu được phép tách thửa phải đảm bảo các thửa đất được hình thành sau khi tách có diện tích tối thiểu là mỗi thửa 30 m^2 , cạnh nhỏ nhất phải lớn hơn hoặc bằng 4m. Như vậy thấy rằng: trên phần di sản mà ông Ch để lại những người thừa kế được hưởng mỗi người phần có giá trị: $10,29 \text{ m}^2$ đất, diện tích mỗi người thừa kế

được hưởng nhỏ hơn 30m² nên cần chia theo giá trị được hưởng bằng tiền là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Vì bà Bắp đương nhiên hưởng ½ tài sản chung của vợ chồng; mặt khác bà Bắp già yếu, không có nhà ở vì đã mục nát, từ trước đến giờ các con ở riêng thì bà ở một mình và quản lý thửa đất; bà có nguyện vọng làm lại một ngôi nhà nhỏ để sinh sống về già nên nghĩ cần giao lại toàn bộ di sản thừa kế mà ông Ch để lại cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng là phù hợp. Bà Bắp có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H (anh Nguyễn Văn H đã chết năm 2007 nên vợ và các con anh được hưởng), chị Nguyễn Thị H số tiền 1.605.500đồng/người

Tại các buổi hoà giải anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn Th thống nhất giao lại phần di sản mà mình được hưởng cho là bà Nguyễn Thị B. Như vậy, phần bà Bắp được sở hữu bao gồm phần di sản bà được hưởng cùng với phần di sản mà những người trên được hưởng có giá trị thành tiền là 7.626.125đồng. Anh Kh và bà Căn không thoả thuận giao phần di sản mình được hưởng cho bà Bắp nên bà Bắp có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Văn Kh số tiền 1.605.500đồng, chị Phạm Thị C số tiền 401.375đồng.

Trong phần tài sản chung của bà với ông Ch, bà đương nhiên được hưởng ½ giá trị tài sản là $123,5 \text{ m}^2 : 2 = 61,75 \text{ m}^2$; tương ứng với số tiền 9.633.000đồng. Trên phần tài sản chung với phần bà được hưởng từ di sản thừa kế, tổng giá trị tài sản bà được hưởng là toàn bộ diện tích 123,5 m² đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 thôn Thượng Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; tương ứng với số tiền $(9.633.000 + 7.626.125) = 17.259.125\text{đồng}$.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B phải nộp: $7.626.125\text{đồng} \times 5\% = 381.306\text{đồng}$, anh Nguyễn Văn Kh và chị Phạm Thị C mỗi người phải nộp 300.000đồng tiền án phí chia di sản thừa kế.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế mà ông Nguyễn Văn Ch để lại là ½ diện tích $123,5\text{m}^2 = 61,75 \text{ m}^2$, tọa lạc tại thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình thừa

đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01 mang tên hộ bà Nguyễn Thị B.

Giao toàn bộ di sản thừa kế mà ông Ch để lại cho bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu, bà Báp có nghĩa vụ giao số tiền chênh lệch cho anh cho anh Nguyễn Văn Kh số tiền 1.605.500 đồng, chị Phạm Thị C số tiền 401.375đ (Anh Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D giao lại phần của mình thừa kế cho bà Báp sở hữu). Tổng giá trị tính thành tiền mà bà Báp được hưởng là 7.626.125 đồng, anh Nguyễn Văn Kh được nhận số tiền 1.605.500 đồng, chị Phạm Thị C được nhận số tiền 401.375đồng từ bà Báp. Như vậy, di sản bà được hưởng và cùng với tài sản chung của bà với ông Ch là toàn bộ thửa đất số P716020, thửa số 276, tờ bản đồ số 01, diện tích 123.5m² được UBND huyện B, Quảng Bình cấp ngày 31/12/2002 thửa đất có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất của gia đình ông Nguyễn Văn Vô, chiều dài 03m và giáp đất gia đình ông Nguyễn Văn Công, chiều dài 4,7m; phía Tây: Giáp đường giao thông nông thôn, có chiều dài 9,7m; phía Nam: Giáp đất ở của gia đình ông Nguyễn Văn Hoàn, có chiều dài 14,8m; phía Bắc: giáp đường giao thông nông thôn, có chiều dài 12,8m. Việc phân chia di sản nói trên có sơ đồ vẽ kèm theo bản án. Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục biến động về đất.

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà người phải thi hành án không nộp thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian và số tiền phải thi hành. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị B phải nộp 381.306 đồng tiền án phí; bà Báp đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002575 ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình; như vậy bà Báp còn phải nộp thêm 81.306 đồng tiền án phí. Anh Nguyễn Văn Kh và chị Phạm Thị C mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

(đã ký)

Nguyễn Thị Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

